



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

saya

kamu

dia
lelaki

tôi

bạn

anh ấy

dia
perempuan

ia

kami

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

kalian

mereka

apa

các bạn

họ

cái gì

siapa

đi mana

mengapa

ai

ở đâu

tại sao

bagaimana

làm sao

yang mana

cái nào

bila

lúc nào

kemudian

sau đó

jika

nếu

betul-betul

thật sự

tetapi

nhưng

kerana

bởi vì

tidak

không

ini

này

Saya perlukan ini

Tôi cần cái này

Berapakah harga ini?

Cái này giá bao nhiêu?

itu

semua

atau

đó

tất cả

hoặc

dan

mengetahui

Saya tahu

và

biết

Tôi biết

Saya tidak tahu

berfikir

datang

Tôi không biết

nghĩ

đến

meletak

mengambil

cari

đặt

lấy

tìm

mendengar

nghe

bekerja

làm việc

bercakap

nói chuyện

memberi

cho

menyukai

thích

menolong

giúp đỡ

mencintai

yêu

menelefon

gọi

menunggu

chờ đợi

Saya suka awak

Tôi thích bạn

Saya tak suka ini

Tôi không thích cái này

Awak sayang saya tak?

Bạn có yêu tôi không?

Saya sayang kamu

kosong

satu

Tôi yêu bạn

0

1

dua

tiga

empat

2

3

4

lima

enam

tujuh

5

6

7

lapan

sembilan

sepuluh

8

9

10

sebelas

11

dua belas

12

tiga belas

13

empat belas

14

lima belas

15

enam belas

16

tujuh belas

17

lapan belas

18

sembilan belas

19

dua puluh

20

baru

mới

lama

cũ

sedikit

banyak

berapa banyak?
am

ít

nhiều

bao nhiêu?

berapa banyak?
nombor

salah

betul

bao nhiêu?

sai

chính xác

buruk

bagus

gembira

xấu

tốt

hạnh phúc

pendek
am

panjang

kecil

ngắn

dài

nhỏ

besar

lớn

sana

đó

sini

đây

kanan

phải

kiri

trái

cantik

xinh đẹp

muda

trẻ

tua

già

helo

xin chào

jumpa awak lagi

hẹn gặp lại

ok

được

jaga diri

bảo trọng nhé

jangan risau

sudah tentu

hari yang baik

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

hai

selamat tinggal

selamat jalan

chào

bái bai

tạm biệt

maafkan saya

maaf

terima kasih

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

silá

Saya mahu ini

sekarang

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

petang
13:00-17:00

buổi chiều

pagi

buổi sáng

malam

ban đêm

awal pagi

buổi sáng

petang
17:00-22:00

buổi tối

tengah hari

buổi trưa

tengah malam

nửa đêm

jam
masa

giờ

minit

phút

saat

giây

hari

ngày

minggu

tuần

bulan
tarikh

tháng

tahun

năm

masa

thời gian

tarikh

ngày tháng

kelmarin

ngày hôm kia

semalam

hôm qua

hari ini

hôm nay

esok

ngày mai

lusa

ngày kia

Isnin

thứ hai

Selasa

thứ ba

Rabu

thứ tư

Khamis

thứ năm

Jumaat

thứ sáu

Sabtu

thứ bảy

Ahad

chủ nhật

Esok hari Sabtu

Ngày mai là thứ bảy

kehidupan

cuộc đời

perempuan

đàn bà

lelaki

đàn ông

cinta

tình yêu

teman lelaki

bạn trai

teman wanita

bạn gái

kawan

bạn

cium

hôn

seks

tình dục

kanak-kanak

trẻ em

bayi

em bé

budak perempuan

con gái

budak lelaki

con trai

mak

mẹ

pak

ba

ibu

má

ayah

cha

ibu bapa

cha mẹ

anak lelaki

con trai

anak perempuan

con gái

adik perempuan

em gái

adik lelaki

em trai

kakak

chị gái

abang

anh trai

berdiri

đứng

duduk

ngồi

baring

nằm xuống

menutup

đóng

membuka
pintu

mở

kalah

thua

memenangi

thắng

mati

hidup

menghidupkan

chết

sống

bật

mematikan

membunuh

mencederakan

tắt

giết

làm bị thương

menyentuh

menonton

minum

chạm

xem

uống

makan

berjalan

berjumpa

ăn

đi bộ

gặp

mempertaruhkan
sukan

mencium

mengikut

đặt cược

hôn

đi theo

mengahwini

menjawab

menanya

cưới

trả lời

hỏi

soalan

syarikat

perniagaan

câu hỏi

công ty

kinh doanh

kerja

duit

telefon

việc làm

tiền

điện thoại

pejabat

doktor

hospital

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

jururawat

polis
orang

presiden

y tá

cảnh sát

tổng thống

putih

hitam

merah

màu trắng

màu đen

màu đỏ

biru

hijau

kuning

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

lambat

cepat

kelakar

chậm

nhANH

vui vẻ

tidak adil

adil

susah

không công bằng

công bằng

khó

senang

Ini sangat susah

kaya

dễ

Cái này khó

giàu

miskin

kuat

lemah

nghèo

khỏe

yếu

selamat

letih

bangga

an toàn

mệt mỏi

tự hào

kenyang

sakit

sihat

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

marah

rendah

tinggi
am

tức giận

thấp

cao

lurus
geometri

setiap

sentiasa

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

sebenarnya

thực ra

sekali lagi

lần nữa

sudah

đã

kurang

ít hơn

paling banyak

phần lớn

lebih

nhiều hơn

Saya mahu lagi

Tôi muốn nhiều hơn

tiada

không có

sangat

rất

haiwan

động vật

babi

con lợn

lembu

con bò

kuda

con ngựa

anjing

con chó

biri-biri

con cừu

monyet

con khỉ

kucing

con mèo

beruang

con gấu

ayam

con gà

itik

con vịt

rama-rama

con bướm

lebah

con ong

ikan
haiwan

con cá

labah-labah

con nhện

ular

luar

dalam
bangunan

con rắn

ở ngoài

ở trong

jauh

dekat

bawah

xa

gần

bên dưới

atas

tepi

hadapan

bên trên

bên cạnh

phía trước

belakang

manis

masam

phía sau

ngọt

chua

pelik

lạ

lembut

mềm

keras

cứng

comel

đáng yêu

bodoh

ngu ngốc

gila

điên khùng

sibuk

bận rộn

tinggi
orang

cao

pendek
orang

thấp

risau

lo lắng

terkejut

ngạc nhiên

tenang

ngẫu

beradab

cư xử tốt

jahat

ác độc

pandai

khéo léo

sejuk

lạnh

panas

nóng

kepala

đầu

hidung

mũi

rambut

tóc

mulut

miệng

telinga

tai

mata

mắt

tangan

bàn tay

kaki
kasut

bàn chân

jantung

tim

otak

não

menarik

kéo

menolak

đẩy

menekan

ấn

memukul

đánh

menangkap

bắt

melawan

chiến đấu

membaling

ném

berlari
kata kerja

chạy

membaca

đọc

menulis

viết

memperbaiki

sửa chữa

menghitung

đếm

memotong

cắt

menjual

bán

membeli

mua

membayar

trả

mempelajari

học

bermimpi

mơ

tidur

ngủ

bermain

chơi

merayakan

ăn mừng

berehat

ngủ ngơi

menikmati

thưởng thức

membersihkan

dọn dẹp

sekolah

trường học

rumah
bangunan

nhà ở

pintu

cửa

suami

chồng

isteri

vợ

perkahwinan

đám cưới

orang

người

kereta

xe hơi

rumah
famili

nhà

bandar

thành phố

nombor

số

dua puluh satu

21

dua puluh dua

22

dua puluh enam

26

tiga puluh

30

tiga puluh satu

31

tiga puluh tiga

33

tiga puluh tujuh

37

empat puluh

40

empat puluh satu

41

empat puluh empat

44

empat puluh lapan

48

lima puluh

50

lima puluh satu

51

lima puluh lima

55

lima puluh sembilan

59

enam puluh

60

enam puluh satu

61

enam puluh dua

62

enam puluh enam

66

tujuh puluh

70

tujuh puluh satu

71

tujuh puluh tiga

73

tujuh puluh tujuh

77

lapan puluh

80

lapan puluh satu

81

lapan puluh empat

84

lapan puluh lapan

88

sembilan puluh

90

sembilan puluh satu

91

sembilan puluh lima

95

sembilan puluh sembilan

99

seratus

100

seribu

1000

sepuluh ribu

10.000

seratus ribu

100.000

sejuta

1.000.000

anjing saya

con chó của tôi

kucing kamu

con mèo của bạn

baju dia

váy của cô ấy

kereta dia

xe của anh ấy

bola ia

quả bóng của nó

rumah kami

nhà của chúng tôi

kumpulan kalian

đội của bạn

syarikat mereka

công ty của họ

semua orang

mọi người

bersama

cùng nhau

lain

khác

tidak mengapa

không thành vấn đề

kampai

chúc mừng

rileks

thư giãn đi

saya setuju

tôi đồng ý

selamat datang

chào mừng

baiklah

không phải lo

belok kanan

rẽ phải

belok kiri

rẽ trái

pergi terus

đi thẳng

Ikut saya

Hãy đi với tôi

telur

trứng

keju

phô mai

susu

sữa

ikan
makanan

cá

daging

thịt

sayur

rau

buah

trái cây

tulang
makanan

xương

minyak

dầu

roti

bánh mì

gula

đường

coklat
makanan

sô cô la

gula-gula

kẹo

kek

bánh bông lan

minuman

đồ uống

air

nước

soda

nước soda

kopi

cà phê

teh

trà

bir

bia

wain

rượu nho

salad

sa lát

sup

súp

pencuci mulut

món tráng miệng

sarapan pagi

bữa ăn sáng

makan tengah hari

makan malam

piza

bữa trưa

bữa tối

pizza

bas

kereta api

stesen kereta api

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

perhentian bas

kapal terbang

kapal

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

lori

basikal

motosikal

xe tải

xe đạp

xe mô tô

teksi

lampu isyarat

tempat letak kereta

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

jalan

pakaian
am

kasut

đường

quần áo

giày dép

kot

baju sejuk

baju kemeja

áo choàng

áo len

áo sơ mi

jaket

sut

seluar panjang

áo khoác

áo phục

quần dài

pakaian
perempuan

đầm

baju kemeja-T

áo phông

stokin

bít tất

bra

áo ngực

seluar dalam

quần lót

cermin mata

kính

beg tangan

túi xách

beg duit

ví tiền

dompet

ví

cincin

nhẫn

topi

mũ

jam tangan

đồng hồ đeo tay

poket

Apa nama awak?

Nama saya David

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Saya berumur 22 tahun

Apa khabar?

Awak ok?

Tôi 22 tuổi

Bạn có khỏe không?

Bạn có ổn không?

Dimanakah tandas?

Saya rindu kamu

musim bunga

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

musim panas

musim luruh

musim sejuk

mùa hè

mùa thu

mùa đông

Januari

tháng một

Februari

tháng hai

Mac

tháng ba

April

tháng tư

Mei

tháng năm

Jun

tháng sáu

Julai

tháng bảy

Ogos

tháng tám

September

tháng chín

Oktober

tháng mười

November

tháng mười một

Disember

tháng mười hai

beli-belah

mua sắm

bil

hóa đơn

pasar

chợ

pasar raya

siêu thị

bangunan

tòa nhà

pangsapuri

căn hộ

universiti

trường đại học

ladang

nông trại

gereja

nhà thờ

restoran

nhà hàng

bar

quán bar

gim

phòng thể dục

taman
bandar

công viên

tandas
am

nhà vệ sinh

peta

bản đồ

ambulan

xe cứu thương

polis
am

cảnh sát

pistol

súng

bomba

lính cứu hỏa

negara

quốc gia

pinggir bandar

ngoại ô

kampung

ngôi làng

kesihatan

sức khỏe

ubat

dược phẩm

kemalangan

tai nạn

pesakit

bệnh nhân

pembedahan

phẫu thuật

pil

viên thuốc

demam

sốt

selesema

cảm lạnh

kesan luka

vết thương

temujanji

cuộc hẹn

batuk

ho

leher

cổ

punggung

mông

bahu

vai

lutut

đầu gối

kaki
am

chân

lengan

tay

perut
am

bụng

payudara

ngực

bahagian belakang

lưng

gigi

răng

lidah

lưỡi

bibir

môi

jari

ngón tay

jari kaki

ngón chân

perut
organ

dạ dày

paru-paru

phổi

hati

gan

saraf

dây thần kinh

buah pinggang

thận

usus

ruột

warna

màu sắc

oren
warna

màu cam

kelabu

màu xám

coklat
warna

màu nâu

merah jambu

màu hồng

membosankan

nhàm chán

berat

nặng

ringan

nhẹ

kesepian

cô đơn

lapar

đói bụng

dahaga

khát nước

sedih

buồn

curam

đốc

rata

bằng phẳng

bulat
kata sifat

tròn

persegi

vuông

sempit

hẹp

lebar
kata sifat

rộng

dalam
air

sâu

cetek

nông

sangat besar

lớn

utara

bắc

timur

đông

selatan

nam

barat

tây

kotor

bẩn

bersih

sạch sẽ

penuh

đầy

kosong

trống rỗng

mahal

đắt

murah
kata sifat

rẻ

gelap

tối

cerah
warna

sáng

seksi

quyến rũ

malas

lười biếng

berani

dũng cảm

pemurah

hào phóng

kacak

đẹp trai

hodoh

xấu xí

mengarut

ngớ ngẩn

mesra

thân thiện

bersalah

tội lỗi

buta

mù

mabuk

basah

kering

say

ướt

khô

suam

bising

senyap

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

sepi

dapur

bilik mandi

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

ruang tamu

bilik tidur

taman
rumah

phòng khách

phòng ngủ

vườn

garaj

gara

dinding

tường

bilik bawah tanah

tầng hầm

tandas
rumah

nhà vệ sinh

tangga
rumah

cầu thang

bumbung

mái nhà

tingkap
bangunan

cửa sổ

pisau

dao

cawan
panas

tách

gelas

ly

pinggan

đĩa

cawan
sejuk

cốc

tong sampah

mangkuk

set TV

thùng rác

tô

bộ tivi

meja
pejabat

katil

cermin

bàn

giường

gương

bilik mandi hujan

sofa

gambar

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

jam
rumah

meja
am

kerusi

đồng hồ

bàn

ghế

kolam renang
taman

hồ bơi

loceng

chuông

jiran

hàng xóm

gagal

thất bại

memilih

chọn

menembak

bắn

mengundi

bình chọn

terjatuh

rơi xuống

mempertahankan

bảo vệ

menyerang

tấn công

mencuri

trộm

membakar

đốt

menyelamatkan

cứu

merokok

hút thuốc

menerbangkan

bay

membawa

mang theo

meludah

khạc nhổ

menendang

đá

menggigit

cắn

bernafas

thở

menghidu

ngửi

menangis

khóc

menyanyi

hát

senyum

cười mỉm

ketawa

cười

membesar

lớn lên

mengecut

co lại

bertengkar

tranh luận

mengugut

đe dọa

berkongsi

chia sẻ

memberi makan

cho ăn

bersembunyi

trốn

memberi amaran

cảnh báo

berenang

bơi

melompat

nhảy

berguling

lăn

mengangkat

nâng

menggali

đào

menyalin

sao chép

menghantar

giao hàng

mencari

tìm kiếm

berlatih

luyện tập

mengembara

đi du lịch

mengecat

vẽ

mandi

tắm vòi sen

membuka
dikunci

mở

mengunci

khóa

membasuh

rửa

berdoa

cầu nguyện

memasak

nấu ăn

buku

sách

perpustakaan

thư viện

kerja rumah

bài tập về nhà

peperiksaan

bài thi

pelajaran

bài học

sains

khoa học

sejarah

lịch sử

seni

nghệ thuật

bahasa Inggeris

tiếng Anh

bahasa Perancis

tiếng Pháp

pen

cây bút

pensel

bút chì

tiga peratus

3%

pertama

thứ nhất

kedua

thứ hai

ketiga

thứ ba

keempat

thứ tư

hasil

kết quả

segi empat sama

hình vuông

bulat
kata nama

hình tròn

keluasan

diện tích

penyelidikan

ngiên cứu

ijazah

bằng cấp

sarjana muda

cử nhân

ijazah sarjana

thạc sĩ

x lebih kecil daripada y

$x < y$

x lebih besar daripada y

$x > y$

stres

áp lực

insurans

bảo hiểm

kakitangan

nhân viên

jabatan

bộ phận

gaji

lương

alamat

địa chỉ

surat

lá thư

kapten

thuyền trưởng

detektif

thám tử

juruterbang

phi công

profesor

giáo sư

guru

giáo viên

peguam

luật sư

setiausaha

thư ký

penolong

trợ lý

hakim

thẩm phán

pengarah
perniagaan

giám đốc

pengurus

quản lý

tukang masak

đầu bếp

pemandu teksi

tài xế taxi

pemandu bas

tài xế xe buýt

penjenayah

tội phạm

model

người mẫu

artis

nghệ sĩ

nombor telefon

số điện thoại

isyarat

tín hiệu

aplikasi

ứng dụng

bilik sembang

trò chuyện

fail

tập tin

url

url

alamat e-mel

địa chỉ email

laman sesawang

e-mel

telefon bimbit

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

undang-undang

penjara

bahan bukti

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

denda

saksi

mahkamah

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

tandatangan

rugi

untung

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

pelanggan

khách hàng

jumlah

số tiền

kad kredit

thẻ tín dụng

kata laluan

mật khẩu

mesin duit

máy rút tiền

kolam renang
sukan

bể bơi

kuasa

điện

kamera

máy ảnh

radio

đài radio

hadiah

quà tặng

botol

cái chai

beg

cái túi

kunci

chìa khóa

anak patung

búp bê

malaikat

thiên thần

sikat

lược

ubat gigi

kem đánh răng

berus gigi

bàn chải đánh răng

syampu

dầu gội

krim
ubat

kem thoa

tisu

khăn giấy

gincu

son môi

televisyen

truyền hình

pawagam

rạp chiếu phim

berita

tempat duduk

tiket

tin tức

ghế

vé

skrin
pawagam

muzik

pentas

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

penonton

lukisan

jenaka

khán giả

hội họa

trò đùa

artikel

surat khabar

majalah

bài báo

báo chí

tạp chí

iklan

quảng cáo

alam

thiên nhiên

abu

tro

api

lửa

berlian

kim cương

bulan
alam semesta

mặt trăng

bumi

Trái Đất

matahari

mặt trời

bintang

ngôi sao

planet

hành tinh

alam semesta

vũ trụ

pantai
laut

bờ biển

tasik

hồ

hutan

rừng

padang pasir

sa mạc

bukit

đồi núi

batu
alam

đá

sungai

con sông

lembah

thung lũng

gunung

núi

pulau

đảo

lautan

đại dương

laut

biển

cuaca

thời tiết

ais

salji

ribut

băng

tuyết

bão táp

hujan
kata nama

angin

tumbuhan

mưa

gió

thực vật

pokok

rumput

bunga mawar

cây

cỏ

hoa hồng

bunga

gas

logam

hoa

chất khí

kim loại

emas

perak

Perak lebih murah daripada
emas

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Emas lebih mahal daripada
perak

percutian

ahli

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên

hotel

pantai
pasir

tetamu

khách sạn

bờ biển

khách

hari jadi

Hari Natal

Tahun baru

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Easter

Lễ Phục sinh

bapa saudara

chú

ibu saudara

cô

nenek
ayah

bà nội

datuk
ayah

ông nội

nenek
ibu

bà ngoại

datuk
ibu

ông ngoại

kematian

tử vong

kubur

phần mộ

perceraian

ly hôn

pengantin perempuan

cô dâu

pengantin lelaki

chú rể

seratus satu

101

seratus lima

105

seratus sepuluh

110

seratus lima puluh satu

151

dua ratus

200

dua ratus dua

202

dua ratus enam

206

dua ratus dua puluh

220

dua ratus enam puluh dua

262

tiga ratus

300

tiga ratus tiga

303

tiga ratus tujuh

307

tiga ratus tiga puluh

330

tiga ratus tujuh puluh tiga

373

empat ratus

400

empat ratus empat

404

empat ratus lapan

408

empat ratus empat puluh

440

empat ratus lapan puluh
empat

484

lima ratus

500

lima ratus lima

505

lima ratus sembilan

509

lima ratus lima puluh

550

lima ratus sembilan puluh
lima

595

enam ratus

600

enam ratus satu

601

enam ratus enam

606

enam ratus enam belas

616

enam ratus enam puluh

660

tujuh ratus

700

tujuh ratus dua

702

tujuh ratus tujuh

707

tujuh ratus dua puluh tujuh

727

tujuh ratus tujuh puluh

770

lapan ratus

800

lapan ratus tiga

803

lapan ratus lapan

808

lapan ratus tiga puluh lapan

838

lapan ratus lapan puluh

880

sembilan ratus

900

sembilan ratus empat

904

sembilan ratus sembilan

909

sembilan ratus empat puluh
sembilan

949

sembilan ratus sembilan
puluh

990

harimau

con hổ

tikus

con chuột

tikus besar

con chuột cống

arnab

con thỏ

singa

con sư tử

keldai

con lừa

gajah

con voi

burung

con chim

ayam jantan

con gà trống choai

burung merpati

con chim bồ câu

angsa

con ngỗng

serangga

côn trùng

pepijat

con bọ

nyamuk

con muỗi

lalat

con ruồi

semut

con kiến

ikan paus

con cá voi

ikan yu

con cá mập

lumba-lumba

con cá heo

siput

con ốc sên

katak

con ếch

selalu

thường xuyên

segera

ngay lập tức

tiba-tiba

đột ngột

walaupun

mặc dù

gimnastik

thể dục dụng cụ

tenis

quần vợt

berlari
sukan

chạy

berbasikal

đạp xe

golf

đánh golf

luncur ais

trượt băng

bola sepak

bóng đá

bola keranjang

bóng rổ

renang

bơi lội

menyelam

lặn

mendaki

đi bộ đường dài

United Kingdom

Vương quốc Anh

Sepanyol

Tây Ban Nha

Switzerland

Thụy sĩ

Itali

Ý

Perancis

German

Thailand

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapura

Rusia

Jepun

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

India

China

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Amerika Syarikat

Mexico

Kanada

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Chile

Brazil

Argentina

Afrika Selatan

Nigeria

Maghribi

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Libya

Kenya

Algeria

Mesir

New Zealand

Australia

Ai Cập

New Zealand

Úc

Afrika

Châu Phi

Eropah

Châu Âu

Asia

Châu Á

Amerika

Châu Mỹ

suku jam

mười lăm phút

setengah jam

nửa tiếng

tiga suku jam

bốn mươi lăm phút

pukul satu

1:00

pukul dua lima minit

2:05

pukul tiga sepuluh minit

3:10

pukul empat suku

4:15

pukul lima dua puluh minit

5:20

pukul enam dua puluh lima
minit

6:25

pukul tujuh setengah

7:30

pukul lapan tiga puluh lima
minit

8:35

pukul sembilan empat puluh
minit

9:40

pukul sepuluh empat puluh
lima minit

10:45

pukul sebelas lima puluh
minit

11:50

pukul dua belas lima puluh
lima minit

12:55

pukul satu pagi

một giờ sáng

pukul dua petang

hai giờ chiều

minggu lepas

tuần trước

minggu ini

tuần này

minggu depan

tuần sau

tahun lepas

tahun ini

tahun depan

năm ngoái

năm nay

năm sau

bulan lepas

bulan ini

bulan depan

tháng trước

tháng này

tháng sau

satu Januari dua ribu empat
belas

dua puluh lima Februari dua
ribu tiga

dua belas April sembilan
belas lapan puluh lapan

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

tiga belas Oktober lapan
belas sembilan puluh
sembilan

tiga puluh September
sembilan belas kosong tujuh

dua belas Disember dua ribu

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

dahi

kedut

dagu

trán

nếp nhăn

cằm

pipi

janggut

bulu mata

má

râu

lông mi

bulu kening

pinggang

tengkuk

lông mày

eo

gáy

dada

ibu jari

jari kelingking

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

jari manis

ngón tay đeo nhẫn

jari tengah

ngón tay giữa

jari telunjuk

ngón tay trỏ

pergelangan tangan

cổ tay

kuku

móng tay

tumit

gót chân

tulang belakang

xương sống

otot

cơ bắp

tulang
badan

xương

rangka

bộ xương

tulang rusuk

xương sườn

tulang vertebra

đốt sống

pundi kencing

vena

arteri

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

faraj

sperma

zakar

âm đạo

tinh trùng

dương vật

buah zakar

berair

pedas

tinh hoàn

mọng nước

cay

masin

mentah

mendidih

mặn

sống

lược

malu

tamak

tegas

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

pekak

điếc